

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ V
TỈNH P

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **70** /2018/HNGĐ-ST

Ngày: 14/12/2018.

V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V - TỈNH P

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông **Đỗ Cao V**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Lê Văn H**

2. Ông **Nguyễn Huy T**

- *Thư ký phiên toà:* Ông **Phạm Việt H** - Cán bộ TAND TP. V

Ngày 14 tháng 12 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố V xét xử công khai vụ án thụ lý số 533/2018/TLST- HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2018 về việc ly hôn theo Quyết định hoán phiên tòa số: 1783/2018/QĐST - HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Huyền T** - sinh năm 1992.

ĐKHKT tại: Tổ 57, khu 14, phường T, thành phố V, tỉnh P.

Chỗ ở hiện nay: khu Phương Lai 6, thị trấn L, huyện L, tỉnh P. (Chị T có mặt)

Bị đơn: Anh **Nguyễn Quang H** - sinh năm 1988.

ĐKHKT tại: Tổ 57, khu 14, phường T, thành phố V, tỉnh P. (Anh H vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết tại Tòa án nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Huyền T trình bày:

Chị và anh Nguyễn Quang H có đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 29/02/2012 tại trụ sở UBND phường T, thành phố V, tỉnh P trên cơ sở tự nguyện

không bị ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng sống cùng với bố mẹ đẻ của anh H ở tại Tổ 57, khu 14, phường T, thành phố V, tỉnh P. Quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống không hợp nhau mặc dù hai bên đều cố gắng nhưng không thể hàn gắn được tình cảm vợ chồng, Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 6/2018 đến nay, chị T đã chuyển về sống tại khu Phương Lai 6, thị trấn L, huyện L, tỉnh P. Nay tình cảm vợ chồng không còn. Chị T xin được ly hôn với anh H.

Tại phiên tòa hôm nay, anh H vắng mặt nhưng trong bản tự khai và biên bản phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; biên bản hòa giải ngày 31/10/2018 có lưu trong hồ sơ thể hiện: Anh nhất trí với lời trình bày của chị T về thời gian kết hôn, nơi kết hôn, mâu thuẫn của vợ chồng. Vợ chồng anh đã sống ly thân từ tháng 6/2018 đến nay, chị T đã chuyển về sống tại khu Phương Lai 6, thị trấn L, huyện L, tỉnh P. Nay chị T xin ly hôn anh, quan điểm của anh H xin Tòa án cho hoãn một thời gian đến ngày 12/11/2018 để vợ chồng có thời gian thỏa thuận nếu hàn gắn được tình cảm vợ chồng thì đoàn tụ còn nếu có T cố tình giữ quan điểm xin ly hôn anh thì anh cũng đồng ý ly hôn để ổn định cuộc sống riêng cho mỗi người.

Về con chung: Chị T và anh H đều thống nhất xác định vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Bảo T- sinh ngày 29/6/2012. Khi ly hôn chị T và anh H thống nhất thỏa thuận giao cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu T. Anh H có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị T số tiền 1.500.000đ/1 tháng, kể từ tháng 11 năm 2018 cho đến khi con chung trưởng thành, lao động tự túc được. Phương thức cấp dưỡng hàng tháng. Tại phiên tòa hôm nay chị T đề nghị anh H phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị kể từ tháng 01/2019.

Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp gia đình: Chị T và anh H đều thống nhất xác định vợ chồng không có không đề nghị Tòa án giải quyết.

Toà án tiến hành hoà giải nhưng các bên đương sự vẫn giữ nguyên quan điểm của mình nên không hoà giải được toàn bộ nội dung vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về trình tự thủ tục tố tụng:

[1] Đây là vụ án tranh chấp về Hôn nhân và gia đình giữa chị Nguyễn Thị Huyền T và anh Nguyễn Quang H, anh Huy cư trú tại tổ 57, khu 14, phường T, thành phố V, tỉnh P nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì theo quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Qu, trình gi¶i quy¶t vô ,n T¶a ,n ®· ti¶n h¶nh c,c th¶n t¶c t¶ t¶ng theo ®¶ng quy ®¶nh c¶a ph,p lu¶t. Anh H ®-¶c T¶a ,n tri¶u t¶p h¶p l¶ l¶n th¶ hai m¶ v¶n v¶ng m¶t không lý do. Nh- v¶y, l¶ anh H c¶ t¶nh không hợp tác, việc anh H c¶ t¶nh không đến Tòa có nghĩa là anh H từ chối quyền được trình bày tại tòa và không thực hiện nghĩa vụ của người công dân. Căn cứ vào quy định t¶i ®i¶m b kho¶n 2 §i¶u 227 B¶ lu¶t t¶ t¶ng d¶n s¶, Tòa án tiến hành ®-a vụ án ra x¶t x¶ v¶ng mặt anh H.

VÒ n¶i dung:

[1] Xem x¶t quan h¶ h¶n nh¶n ch¶ T và anh H, H¶i ®¶ng x¶t x¶ th¶y r¶ng: Chị T và anh H từ nguy¶n t¶m hi¶u c¶ ®¶ng ký kết hôn t¶i U¶ ban nh¶n d¶n phường T, thành phố V, tỉnh P. Như vậy, là hôn nhân hợp pháp. Nay ch¶ T cho rằng tình cảm không còn và có đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho ly h¶n anh H.

Sau khi xem xét đơn ly hôn của chị T và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử nhận thấy: Cuộc s¶ng chung c¶a ch¶ T và anh H c¶ m¶u thu¶n, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống không hợp nhau mặc dù hai bên đều cố gắng nhưng không thể hàn gắn được tình cảm vợ chồng, việc này đã được cả chị T và anh H xác nhận thể hiện tại hồ sơ vụ án. Hai b¶n đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2018 đến nay, chị T đã chuyển về sống tại khu Phương Lai 6, thị trấn L, huyện L, tỉnh P còn anh H vẫn ở tại địa chỉ tổ 57, khu 14, phường T, thành phố V, tỉnh P, hi¶n t¶i kh¶ng ai c¶n quan t¶m ®¶n ai. X¶t th¶y cuộc h¶n nh¶n gi÷a chị T và anh H m¶u thu¶n r¶t tr¶m trắng, đời sống chung không thể kéo dài, m¶c ®¶ch h¶n nh¶n kh¶ng ®¶t ®-¶c. Ngoài ra, tại bản tự khai; biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai tài liệu chứng cứ; biên bản hòa giải ngày 31/10/2018 anh H đều có quan điểm xin Tòa án cho hoãn một thời gian đến ngày 12/11/2018 để vợ chồng có thời gian thỏa thuận nếu hàn gắn được tình cảm vợ chồng thì đoàn tụ còn nếu có T cố tình giữ quan điểm xin ly hôn anh thì anh cũng đồng ý ly hôn để ổn định cuộc sống riêng cho mỗi người. Đến ngày 12/11/2018 anh H không đến Tòa án làm việc cũng như không có tài liệu chứng cứ gì nộp cho Tòa án để chứng minh việc trong khoảng thời gian đó anh H và chị T hàn gắn lại được tình cảm. T¶i phi¶n t¶a h¶m nay chị T v¶n gi÷ nguy¶n quan ®i¶m

cả mẹ con xin được ly hôn với anh H. Do vậy, cần xử cho chị T được ly hôn anh H phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về con chung:

Chị T và anh H đều thống nhất xác định vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Bảo T - sinh ngày 29/6/2012. Hiện nay cháu T đang ở cùng chị T. Qua tranh giải quyết tại Tòa án trước khi đưa vụ án ra xét xử, chị T và anh H đã thống nhất thỏa thuận giao cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu T. Anh H tự nguyện có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị T số tiền 1.500.000đ/1 tháng, kể từ tháng 11 năm 2018 cho đến khi con chung trưởng thành, lao động tự túc được. Phương thức cấp dưỡng hàng tháng. Tại phiên tòa hôm nay chị T tự nguyện đề nghị anh H cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị kể từ tháng 01/2019.

Hội đồng xét xử xét thấy đây là sự tự nguyện thỏa thuận của chị T và anh H về con chung không trái với quy định của pháp luật nên cần công nhận sự thỏa thuận của chị T và anh H.

[3] Về tài sản chung, công sức đóng góp trong thời gian sống chung, và nợ chung: Chị T và anh H đều thống nhất xác định vợ chồng không có không đề nghị Tòa án giải quyết nhưng tại phiên tòa hôm nay anh H vắng mặt nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết trong vụ án này.

[4] Về án phí ly hôn sơ thẩm:

Chị T làm nguyên đơn, nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Về án phí cấp dưỡng nuôi con:

Anh H phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Điểm a khoản 5 Điều 27, Điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Huyền T được ly hôn với anh Nguyễn Quang H.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Bảo T - sinh ngày 29/6/2012 cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh H có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị T số tiền 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng)/1 tháng, kể từ tháng 01 năm 2019 cho đến khi con chung trưởng thành, lao động tự túc được. Phương thức cấp dưỡng hàng tháng.

Không ai được cản trở quyền thăm gặp chăm sóc con chung.

3. Về tài sản chung, công sức trong thời gian sống chung và nợ chung: Không đặt ra giải quyết trong vụ án này.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Huyền T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị T đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000322 ngày 16/10/2018 của chi cục thi hành dân sự thành phố V, tỉnh P.

5. Về án phí cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Quang H phải chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết để đề nghị xét xử theo trình tự phúc thẩm.

“Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

N-ì nhỄn:

- VKSND tỖnh, TP;

TM.Héi Ờảng xĐt xỖ SỖ THẨM

ThỀm ph,n - Chỗ to¹ phi^an toạ

- *Chi cục THADS TP V;*
- *C, c ®-ng sù;*
- *UBND P. T, TP. V, T. P;*
- *L-u HS.VP.*

Đỗ Cao V